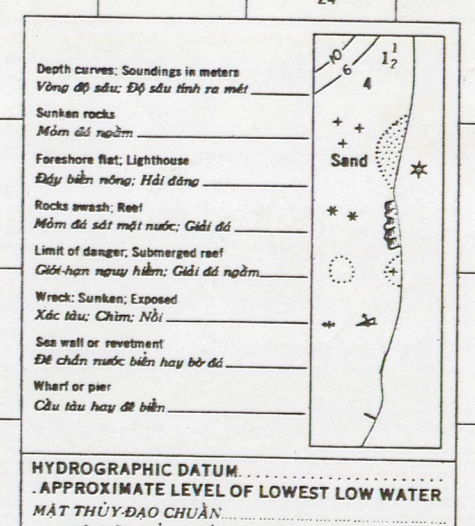
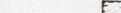
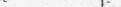
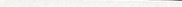
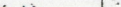


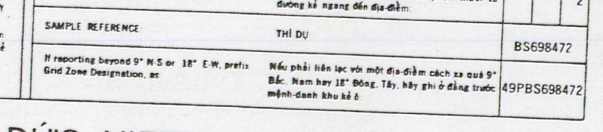


182 SOUTH CHINA SEA

[illegible]

1634
1635
1636
1637
1638
ALWAYS HAD PROBLEMS,

	Fence office, Designation office Trụ sở hành chính Tỉnh, Trụ sở hành chính Quận	Niao Mangrove Bãi lầy rừng	
	Team well, Spring Bể chứa nước, Giếng, Nguồn	Daffier Rubber Cây cao su	
	Mangrove dam, Leshien dam Bể chắn nước, Bể chắn	Palm, Broadwood Cây cọ, Gỗ	
	Lake or pond, Personal, Intermittent Hồ hay ao, Có nước quanh năm, Từng mùa	Pine Bamboo Phên, Tre	



MỘ ĐỨC, VIETNAM STOCK NO. L701467381